

TỪ VĂN TỔ TỚI VĂN MIẾU - KHI RỒNG VIỆT NAM UỐN KHÚC

Thư Hương (Trích sách” *Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên*”- **Triết Gia Kim Định**)

Văn tổ cũng như văn miếu là kết tinh của đạo thờ nhân tính, nhưng Văn tổ thuộc cỡ gia đình, còn văn miếu thuộc tầm mức làng nước. Nếu gia tiên vẫn có thể đứng vững trong thời mới, thì cũng có thể nói như thế về văn miếu. Hơn nữa văn miếu lại tỏ ra cần hơn cả gia tiên vì một tình trạng mới xảy đến cho hầu hết các nước trên thế giới đó là tình trạng đa giáo. Đối với quốc gia thì tôn giáo là một yếu tố tinh thần, nhiều khi là yếu tố thống nhất quốc gia rất linh nghiệm. Tuy nhiên chỉ được như thế bao lâu nước đó chỉ có một tôn giáo, hay nếu có vài ba dị giáo thì chỉ là một thiểu số bé nhỏ. Nhưng từ lúc một nước có nhiều tôn giáo mạnh gần ngang nhau thì từ đấy tôn giáo lại trở nên yếu tố gây chia rẽ. Lúc ấy nước nào có văn miếu, nghĩa là một nền văn hóa ây trên nhân bản thì thuốc chữa sẽ là “trùng tu văn miếu” tức đem văn hóa dân tộc lên làm yếu tố thống nhất dân tộc, còn tôn giáo thì chuyên về việc thiêng liêng tâm hồn, rút khỏi các hoạt động chung của nước, càng nhiều càng hay. Còn nước nào không may mắn thiếu nền văn hóa nhân bản nên thiếu văn miếu thì chỉ còn cách sa dần xuống dốc duy vật. Sau đây là kinh nghiệm của một nước siêu cường có liên hệ rất nhiều với ta từ lối 1954 tới đây, đó là Mỹ quốc. Nước Mỹ có tới 265 thứ tôn giáo khác nhau nên gặp rất nhiều khó khăn.

Trong bài tựa quyển đạo đức của nhà triết lý chính trị hữu danh của nước Mỹ là ông Walter có viết vào năm 1929 như sau:

“Hậu quả của thuyết lý mới về tự do tôn giáo là đặt các giáo phái vào một tình trạng ngoại lệ (anomalous position). Ở trong công hội với nhau thì họ vẫn khẳng định duy họ mới nắm được chân lý trọn vẹn; nhưng khi đối ngoại với các giáo phái khác hay với chính quyền không phải chỉ gặp có một sự khó khăn về lý luận như thế thôi đâu, nó còn bao hàm một sự khó khăn về tâm lý còn sâu xa hơn cho phần tử các giáo phái, vì đứng về phương diện tìm hiểu thì họ không chút chi ngần ngại tin rằng tôn giáo họ theo là con đường cứu rỗi chân thực, vì không thể thì hóa ra những biệt phái kia cũng có lý mất rồi. Nhưng xét là công dân thì họ lại phải giữ trung lập đối với lời tuyên bố của mọi giáo phái, và chống cự lại mọi sự lấn chân của giáo phái này lên giáo phái nọ. Và đó là giải pháp tốt nhất mà sự khôn ngoan loài người đã tìm ra được, nhưng hậu quả không thể tránh được là người ta chỉ bênh vực lòng khoan dung cách hời hợt, để rồi bỏ qua coi thường, vì thực là một sự khó khăn khi trong tế hăng ngày phải xử với mọi giáo phái như nhau, mà còn có thể tin tưởng bền bỉ vào một giáo phái nào. “

Tâm hồn con người không thể chia nhiều ngăn, để rồi ngăn này thì tín ngưỡng sâu xa, còn ngăn kia thì giữ trung lập. Sự có nhiều giáo phái, và không có phái nào nắm được độc quyền, cũng như thói quen trung lập sẽ dẫn tới chỗ giảm bớt lòng tin... Vì thế bất kỳ tôn giáo nào lúc được thịnh đạt cũng cho mình là có tính cách tuyệt đối phổ biến, và trở nên bất tương dung. Và sự phạt vạ rút phép thông công là cả một bản án nặng nề, nhưng khi một nước có nhiều tôn giáo, và vì hoàn cảnh bó buộc phải chịu đựng nhau thì lúc đó rút phép thông công trở thành vô hiệu.

“Nhưng các giáo phái không bó buộc phải chịu nhận nhau, thì họ từ chối chấp nhận nền giáo dục công cộng vì các trường nhà nước không được đề cập tới vấn đề tôn giáo trong lịch sử hay những khoa học có liên hệ đến tôn giáo. Người Tin lành không chịu cho nhà trường dạy tin điều nào của Công giáo. Người theo phái nền tảng (Fundamentalistes) không chịu được những tín điều của Tân phái (Modernistes). Vì thế mà bắt buộc dĩ phải cho trung lập là giải pháp đừng chẳng được, chứ trong thâm tâm chẳng ai muốn rằng vấn đề tôn giáo không có trong việc giáo huấn con em. Vì thế giáo phái nào mạnh mẽ thì kiểm soát trường công, hoặc lập tư thực như Công giáo và Tin Lành đã làm, hoặc bắt trường công phải theo ý mình như Nền tảng phái ở những nơi họ thắng phiếu như tại Tennessee. Lúc đó các giáo phái khác khiêu nại là họ phải đóng tiền vào những trường mà lương tâm họ không cho phép gửi con vào đấy.

“Còn nếu có trung lập thì cũng chỉ là ngoài mặt. **Những khoa nhân văn lịch sử thì thường được dạy theo quan điểm của Tin lành che đậy một cách khéo léo.** Đến những khoa học thực nghiệm thì dễ, nhưng cũng có những giáo sư lái vào thần học của mình... cũng có giáo sư Công giáo giảng sử theo cái nhìn của Công giáo. Kết quả vẫn là làm yếu thêm lòng tin tưởng con em đối với nền tín ngưỡng của cha ông. Vì chúng cảm thấy lòng ái quốc đòi không được chú trọng đến niềm tin cho bằng lương tri và tình huynh đệ, tức là không nên tuyệt đối hóa gì cả. Các nhà lãnh đạo tôn giáo ý thức nguy cơ đó, nên đã làm rất nhiều kiến nghị... Chính quyền cũng đồng ý khi nói đến mối nguy cơ của những người vô tín ngưỡng nên yêu cầu các tôn giáo hội lại và đưa ra một Thượng Đế không thuộc riêng giáo phái nào để thờ chung, và một số đoạn thánh kinh không bị tranh luận để làm sách giáo khoa. Nhưng mỗi khi đề cập đến bản tính một Thiên Chúa trung lập, và một ấn bản thập giới không bị tranh luận... thì lời đình sấm sét liền nổi lên như dưới chân núi Sinai xưa, lúc tuyên dương 10 giới răn vậy... và chẳng bao giờ các nhà lãnh đạo tôn giáo đi tới sự đồng ý.” (The Essential, Lippman 434).

Thế là ngoài mặt thì trung lập, mà bên trong là một sự đấu tranh ngấm ngầm với hai hậu quả tai hại cho cả đạo lẫn đời.

Về phía đạo thì lòng tin tưởng càng ngày càng yếu dần, một học sinh làm bài triết thí dụ phải tập nói sao cho ông chấm bài là Công giáo hay Tin lành cũng không đến nỗi đánh rớt vì vô ý ghé bên này hay bên nọ, tức là phải lo cho cái phụ nhiều hơn cái chính

Còn phía dân thì thiếu một niềm tin chung, mỗi người đi mỗi ngã nên cũng giống như **Âu Châu bị lâm vào bệnh mất trí nhớ công cộng.** (When they com apart, as they have in the Western democracies, the result is tanamount to a kind of collective amnesia. Ess. Lippman 183.)(Mất trí nhớ vì khi nhớ tới dĩ vãng thì lại gặp những yếu tố gây chia rẽ nên cố tránh, nhưng tránh thì y cứ vào đâu để tìm ra nguyên lý nền móng. Từ ít thế hệ cuối cùng, tất cả những nhà tư tưởng chính trị đều hướng mũi dùi vào việc đòi quyền lợi cho nhóm này nhóm nọ (Lipp.8) với đầy những mâu thuẫn lộn xộn, đầy tính chất phá hoại sâu xa.(The dogma of majority rule contains within it some sort of deep and destructive confusion. Lipp.8.) Không còn một ai vươn lên khỏi cảnh hỗn mang chi sơ để đưa ra nổi một cái nhìn cai quát hướng dẫn, và vì thế có gọi là dân tộc là quê hương thì cũng chỉ còn lại có cái xác, chứ hồn chết rồi. Nếu không có vũ trụ nhân sinh quan thì hồn làm sao sống mà chả chết, như sử gia Adams nói: “Chúng ta đã nhận ra là càng ngày chúng ta càng ly cách các thế hệ đang lên xa khỏi khối di sản của Mỹ châu... Nguy ngập biết bao khi chúng ta đang trở nên những dân chỉ còn ở lại trong đất có cái xác, còn hồn đã bay đi đâu mất rồi...!”(Without a vision men shall die. We have begun to realize in these days how close we have come to separating the coming generation from its heritage in the American past... how

dangerously close we have come to being a people who inhabit the land with their bodies without possessing it in their souls. Lipp. 266)

Có thể hỏi rằng tại sao không đưa ra một đạo lý công dân. Thưa đó chính là sự cố gắng của mọi triết gia kể từ phục hưng tới nay: tất cả nhiều hay ít đều muốn kiến tạo một nền nhân bản để làm cơ sở cho một nền luân lý độc lập. Nhưng tất cả đã thất bại như chúng tôi đã chứng minh trong quyển Nhân Bản. Lý do là vì không ai có thể thoát khỏi gọng kềm nhị nguyên, nên hoặc đưa ra một đạo lý phục tùng Thượng Đế thì lập tức bị phía vô thần tấn công. Rồi phía vô thần lại đem ra một nền nhân bản chống Thượng Đế thì liền bị bên kia đá lại. Và như vậy lại là **đưa đấu tranh tôn giáo vào trong triết lý**, mà ta gọi là **chiến tranh ý hệ**.

Tóm lại, nếu đưa tôn giáo làm kim chỉ nam thì không sao giàn hòa nổi, được lòng giáo phái này thì mất lòng giáo phái kia. Còn nếu không dạy tôn giáo thì xã hội trở nên chiếc thuyền không lái, con người sẽ trở thành không phẩm tính, lang thang giữa lòng đất tổ như những cô hồn không nơi cư ngụ. Thấy mối nguy ngập đó chính quyền xin các tôn giáo thuận với nhau đề ra một số tín điều chung thì các tôn giáo không sao đi đến thỏa thuận để hiện thực nổi... Cuối cùng thì phải chịu sự “dữ nhỏ hơn” (le moindre mal), là trở lại với trung lập tiêu cực tức là dừng đứng (neutralité par indifférence). Vì không ai đưa ra nổi một thuyết trung lập tích cực xây trên một nền nhân bản trung hòa.

Đó là cái vòng lẩn quẩn của Âu Mỹ. **Các nước Á Phi vì đang mãi miết tranh thủ độc lập và lo đuổi kịp đà tiến kỹ thuật, chưa nhận ra trạng huống bi thảm kia, nên nhào vô theo sát Âu Mỹ trên con đường dẫn tới những người không phẩm tính, không niềm tin, không một lý tưởng để hằng say... Có cần chúng ta phải theo Âu Mỹ trong vấn đề này chăng?** Hầu chắc trong lý thuyết không một ai bảo phải theo. Nhưng trong thực tế thì chúng ta để mình trôi theo trào lưu Âu Mỹ. Âu Mỹ đã có nền kinh tế mạnh, tập quán chính trị vững và một kinh nghiệm lâu dài về các xung đột chiến tranh tôn giáo, nên đủ ý thức để tránh né, để khỏi rơi lại vào thảm kịch chiến tranh ý hệ. Ba điều kiện trên nước ta chưa đạt nên dễ đi vào thảm khốc như kinh nghiệm hãi hùng của 3 năm tiếp sau cuộc đảo chính 1/11/1963. Trong quãng đó ta thấy ý thức dân tộc trụt xuống thấp như thung lũng cho các núi tôn giáo vươn lên, nhưng vươn lên bằng gậy, bằng búa, bằng vỏ chai la ve, bốc cao lên bầu khí hận thù, chia rẽ, lọc lừa phe cánh, đánh đổ hết chính phủ này đến chính phủ khác, gây nên biết bao lo âu xáo trộn làm tan biến mất những ngày sống tương đối an vui.

Từ cơn ác mộng ba năm đó ước ao đồng bào ta rút ra được kinh nghiệm để thiết lập nên một **nền văn hóa dân tộc nối liền với nhân tộc, một nền triết an vi đặt ngoài mọi tranh luận ý hệ ngoại lai cũng như các tranh thủ và vận động của các tôn giáo**, một nền văn hóa dân tộc mà bất cứ người nào, hễ đã là con dân nước Việt cũng phải học, phải đọc, phải coi trọng như một di sản của tổ tiên trời lại, như một bửu bối giữ nước, càng ngày càng trở nên cần thiết trong một nước đa giáo.

Còn nếu đòi một “tôn giáo” cho quốc gia thì đó sẽ là “gia tiên” và “quốc tổ” tức linh khí của nước non cũng gọi là RỒNG VIỆT.

KHI RỒNG VIỆT NAM UỐN KHÚC

Nó uốn khúc vào một buổi trưa năm 1947 ở Văn Miếu Hà Nội, khiến cho Albert Sarraut xuất thần nói lên những lời của dân tộc Việt rằng người Pháp đang tính đưa Việt Nam đến một nền độc lập kỹ nghệ hóa tối tân. Đó là nguyện ước sâu xa của người Việt cũng như một đôi người Pháp hiếm hoi.

Nhưng hầu hết người Pháp ở Hà Nội lúc đó đã phản ứng lại tức khắc và dẻo dai. Các báo tiếng Pháp đều bày tỏ lòng sợ hãi bàng hoàng coi như tất cả sẽ tan tác. Vì họ cho rằng bên Đông Phương người ta chỉ nói tới cái gì không thể tránh được, đã gần tới, vì ngay việc nói tới đã làm cho điều đó trở thành gần xảy ra rồi. Phủ Toàn quyền phải ra từng loạt thông tư để trấn tĩnh người Pháp, đại để rằng những điều quan Toàn quyền nói còn rất xa xôi, có lẽ một ngày kia trong một thế kỷ nữa, ai mà biết được, thì nước An Nam có thể tự sống như một quốc gia tân thời. Nhưng tới lúc đó thì nó đã kết thân chặt chẽ với nước Pháp, nên nước Pháp vẫn không phải ra đi. “Peut-être un jour, dans un siècle qui sait, l’Annam serait-il en mesure de vivre comme une nation moderne; mais à ce moment là ses liens avec la France seraient pas à s’en aller. On entendit couramment exprimer l’avis que les Annamites n’en demandaient pas tant”; “on leur mettait ainsi des idées en tête, ce don’t on aurait pu se dispenser”; “ils se trouvaient bien, eux-mêmes comme ils étaient” (Mus 192).

Người Pháp trách A.Sarraut là gieo ý tưởng độc lập vào óc người Việt Nam chứ thực sự người Việt Nam có đòi đến đâu, họ đang sung sướng với hiện trạng rồi mà. Những lời của A.Sarraut bị coi như vụng về đã đưa người Pháp đến cảnh bi đát hiện nay (1952). Theo người Pháp thì lỗi lầm lớn nhất của A.Sarraut là đã từ bỏ nguyên lý quyền bính “là điều duy nhất đáng kể đối với người Á Đông”: par notre démission du principe d’autorité le seul qui compte pour les Asiatiques”. Người ta gọi A. Sarraut là Naufrageur, kẻ đánh đắm tàu. Điều đó theo hoàn cảnh lúc ấy là rất nặng, vì quốc hội Pháp mới quyết định: một là phải gửi sang Đông Dương 2 sư đoàn, hai là sai A. Sarraut sang làm toàn quyền. Vì không có 2 sư đoàn nên nước Pháp sai A. Sarraut sang như cứu tinh. Thế mà A. Sarraut lại nói lên những lời tai hại trên, thì đó là chỗ làm cho người Pháp Đông Dương sững sốt hết hoàng. Sự thật thì A. Sarraut “lỡ miệng”, “tình cờ” nói lên mấy lời kia, ấy là khi theo óc duy lý mà bàn, nghĩa là khi không tìm ra lý do thì cho là tình cờ, là lỡ miệng. Nhưng đối với Đông Phương không thể nói vậy được. A.Sarraut hiểu được sự đơì trông của dân Pháp muốn uỷ thác cho mình đưa Việt Nam vào liên hiệp Pháp, sứ mạng là ở đó; vậy mà tại sao lại nói tới độc lập chống lại ý muốn cả một nước Đại Pháp và nhất là những người bao quanh A. Sarraut. Theo quan niệm cổ xưa của ta thì đó là hồn tiên tổ của giống Lạc Việt nhập vào A. Sarraut, và dùng miệng y để nói lên đường hướng phải theo trong một khúc quanh mới của lịch sử. Cũng như theo lễ gia tiên thì hồn tiên tổ nhiều lần nhập vào đại diện (Nho gọi là Thi) hoặc là vào cỗ Thi và mu rùa bao giờ cũng được chiêm bói trong nhà Thái Miếu. Thi Qui là phát ngôn nhân của tiên tổ. Chính tiên tổ mới là người trị nước, còn nhà vua đương trào chỉ là người thừa hành mà thôi.

Vậy cũng chính cái hồn tiên tổ, hồn nước, hay nói theo huyền sử là Rồng nước Nam uốn khúc đã không cho A. Sarraut nói theo ý hấn cũng là ý của nước Pháp, nhưng phải nói theo ý của “giống thiêng Tiên Rồng”. Ai bảo Sarraut dám đến Văn Miếu mà đọc diễn văn! Vì đó là nơi linh thiêng. Nên biết rằng đó không phải là chuyện huyền hoặc khi gọi nước Việt là giống Tiên Rồng. Xét về địa dư, nước có hình chữ S như rồng uốn khúc, có dãy núi từ Bắc chí Nam như chòm lông mao. Về mặt địa lý có rất nhiều nơi linh thiêng được gọi là những long mạch mà Văn Miếu là một. A. Sarraut cũng như bao người Pháp cho đó là chuyện tin nhảm không thèm kể đến, nên đòi vào Văn Miếu để nói chính trị, nghĩa là nói những chuyện huyền hoặc tục hóa. Ừ được, các anh không tin thì cho các anh biết tay: bắt các anh nói lên điều các anh đang sợ hơn hết là nền độc lập của “Nước thiêng Tiên Rồng”. Đấy là bài học các anh nên trở về nhà suy nghĩ cho thấm thía. Người Việt Nam vẫn còn nuôi sống những ý tưởng đó vì nó rất dễ hợp điệu với những sự tin tưởng và lẽ lối cổ truyền trong dân gian. Không còn tìm đâu được môi trường

thích hợp hơn cho bài diễn văn chương trình trong khoảng những bức tường thiêng liêng, trước sự chứng kiến im lặng nhưng hiệu nghiệm của những bia đá mang tên các bậc khoa bảng. Đó chính là nơi mà toàn dân tin tưởng là long mạch, có một làn sóng linh thiêng toàn quốc mà người quốc trưởng phải thâu lấy để phát thanh lại cho toàn dân. Quan Toàn quyền lúc đó là quốc trưởng, nên long mạch truyền điện vào bất y nói tiên tri về sự giải phóng người Việt Nam, trước sự sùng sốt của đồng bào hấn. Phải chăng vì ông dẫm lên long mạch nên bị giật do làn sóng điện u linh bắt phải nói lên những điều không dự tính nói.

Ông P.Mus viết: “Đó phải chăng là một dị đoan mà nó đưa ta vào một thế giới kỳ dị mà ta không biết mình ở đâu, bàn chân của lý trí không tìm được đất đứng. Phải, có lẽ đó là một thế giới làm bằng biểu tượng, bằng những ý tưởng khiến chúng ta ngỡ ngàng, khiến cho đường lối chính trị của ta trở thành bất nhất. Có thật chăng là một thế giới khác biểu lộ qua thế giới đang nói năng. Xem ra hai giống người Pháp và Việt đã đi tới điểm mà họ phải chia lìa nhau trong một sự không thể hiểu nhau, hoặc nữa là họ phải vượt qua những sự kiện bên ngoài?” (Mus 202) Đến đây chúng ta phải thưa rằng trên phương diện chính trị người Pháp đã phải lìa khỏi chúng ta, vì họ không hiểu nổi ta nữa. Nhưng chúng ta cũng cần nói thêm ngay rằng, hầu hết giới trí thức trên phương diện văn hóa cũng theo người Pháp cho rằng những chuyện vừa nói trên kia là dị đoan đã lỗi thời rồi. Nhưng chúng ta hỏi có thật là dị đoan cần phải vất tất đi chăng? Hay là chúng ta cần phải theo lời mời của P.Mus đi xuyên qua những hiện tượng bên ngoài, để tìm vào sâu hơn. Nếu đứng ở bên ngoài thì quả thật đó là một sự thực thuộc lịch sử không ai chối cãi, nhưng tin tưởng rằng đó là hồn tiên tổ, đó là Rồng uốn khúc thì là dị đoan, hay đó chỉ là một sự tình cờ. Đây là giải đáp của người Pháp.

Tuy nhiên những người chủ trương hồn nước cho đó là lối giải nghĩa lưng chừng, hễ cái gì không tìm ra manh mối thì bảo là tình cờ- tình cờ là viện ẩn náu của cái dốt: *asilium ignorantiae*- nên phải tìm một giải đáp mới xa hơn giải đáp của giới trí thức duy lý cũng như có nền móng hơn giải đáp của cổ truyền gọi là “Rồng uốn khúc!” Chúng ta nay sẽ không cho là tình cờ mà cũng không cho là rồng uốn khúc, nhưng sẽ giải đáp theo tâm lý các miền sâu và sẽ gọi sự kiện trên là hậu quả của “con lốc tâm linh”: *tourbilon psychique* hoặc là làn sóng đáy của đại dương vô thức cộng đồng (*l'inconscient collectif*) hay là của muôn thể hệ tinh anh mà một số tên tuổi còn ghi trên những bia đá xếp hàng trang nghiêm trước Văn Miếu, cũng là nơi quy hướng của hơn hai chục triệu người dân Việt đang tranh thủ cho nền độc lập nước nhà, cho nên là một thực tại lớn lao tuy không nói lên, nhưng có sức mạnh như làn sóng đáy quật ngã những cái chi trên mặt như những lời chính trị ngoại xâm, và rồi đây cả đến dư âm của nền văn hóa phàm tục rùng rợn kiểu cộng sản, thiếu chất u linh của Tây âu cũng sẽ bị xô đổ.

Chất u linh đó là gì chúng ta chưa nói rõ lên được, tuy nhiều người đã thử gọi tên như Schopenhauer gọi là hồn khóm (*l'âme-groupe*), những người chủ trương trực thị (*gnostiques*) gọi là du hồn đoàn (*eggogore*), còn Ferrero gọi là thần thị xã (*les génies de la Cité*) hơi giống cái mà Freud gọi là siêu ngã (*surmoi*)... hay theo khoa xã hội học là “ý thức cộng đồng thường đàn áp ý thức cá nhân”... Tất cả bấy nhiêu danh từ khác nhau đều nhằm nói lên một thực thể u linh cao hơn các cá nhân trong một nước cộng lại, và có một đời sống riêng biệt vừa cao xa mà lại rất thâm sâu nơi lòng mỗi người.

Chính cái thực thể u linh đó mà dân Việt quen gọi đơn sơ là hồn sống núi, là long mạch nó đã làm cho A. Sarraut xuất thần nói lên những lời không muốn nói.

Chính chất u linh đó đã luôn luôn phảng phất như hồn nước đôn đốc cho đoàn người Việt trong cuộc sống hết sức cam go mà không bị tiêu diệt hay bị đồng hóa. Chính những yếu tố tâm linh đó làm nên cái gì thiêng liêng nhất được tiền nhân ta sùng bái trong các Văn miếu từ cấp nước tới cấp làng.

Và ngày nay nói đến **trùng tu Văn Miếu** là nói đến trùng tu việc thờ Văn Tử, trùng tu lòng sùng mộ chân thực của văn hóa dân tộc. Quốc miếu một khi đã trùng tu, nghĩa là không những có điện đài mà còn làm phục hoạt lại được các yếu tố linh thiêng của Việt lý thì từ đó Quốc Miếu sẽ là đài phát thanh truyền tinh thần đi khắp nơi trong nước, trên cả thế giới, bất cứ nơi nào người Việt di tản. **Mỗi gia đình đã có sẵn bàn thờ tổ tiên, một thứ văn miếu thu nhỏ (hoặc một lá cờ) sẽ là bấy nhiêu máy thu thanh để thu tiếng gọi của nước non, của tiền nhân từ muôn thế hệ truyền ra, bươm hăng say thành khăn vào cho mỗi người con dân để mỗi người coi việc nước như việc nhà, cố sức chu toàn cái nhiệm vụ được uỷ thác cho với một tấm lòng chí thành tận tụy.**

Tiếng hịch cứu quốc kiến quốc phải tự đó phát ra từ đó.

Trích sách” *Hòn Nước Với Lễ Gia Tiên*”- **Triết Gia Kim Định**